

Số: 497/TB-UBND

Gia Lộc, ngày 03 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO
Về số lượng, tên gọi các thôn trên địa bàn xã Gia Lộc

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Gia Lộc khóa II, kỳ họp thứ năm (kỳ họp chuyên đề) về việc sắp xếp, tổ chức lại các thôn để thành lập thôn mới trên địa bàn xã Gia Lộc;

Để thống nhất thực hiện các nội dung liên quan đến thôn sau khi sắp xếp, tổ chức lại thôn để thành lập thôn mới trên địa bàn xã Gia Lộc đi vào hoạt động ổn định, bảo đảm theo đúng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã và các quy định hiện hành của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã Gia Lộc thông báo về số lượng, tên gọi các thôn trên địa bàn xã Gia Lộc kể từ ngày 01/7/2026, cụ thể như sau:

1. Tổng số thôn trên địa bàn xã Gia Lộc: 20 thôn.

2. Tên gọi các thôn trên địa bàn xã, gồm: Thôn Phương Điểm 1; Thôn Phương Điểm 2; Thôn Phương Điểm 3; Thôn Hội Xuyên 1; Thôn Hội Xuyên 2; Thôn Đức Đại 1; Thôn Đức Đại 2; Thôn Ngà; Thôn Chăm; Thôn An Tân; Thôn Phúc Tân; Thôn Lăng Xuyên; Thôn Bình Đề; Thôn Cao Dương; Thôn Quán Đào; Thôn Gia Hòa; Thôn Gia Khánh; Thôn Tân Tiến; Thôn Tam Xuân; Thôn Mạnh Tân.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

Ủy ban nhân dân xã Gia Lộc thông báo để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân trên địa bàn xã biết, sử dụng thống nhất tên gọi các thôn nêu trên trong hồ sơ, giấy tờ giao dịch hành chính và các hoạt động có liên quan theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ thành phố;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Các phòng, cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Cổng Thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VHXXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Thung

Phụ lục I
SỐ LƯỢNG, TÊN GỌI VÀ QUÝ MÔ DÂN SỐ CÁC THÔN
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ GIA LỘC SAU SẮP XẾP

STT	Tên gọi các thôn	Tổng số hộ	Số nhân khẩu	Ghi chú
1	Thôn Gia Hòa	675	2.222	Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại thôn Lương Nham (450 hộ, 1.457 nhân khẩu) và thôn Tiên Lý (225 hộ, 765 nhân khẩu).
2	Thôn Gia Khánh	792	2.575	Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại thôn Cao Lý (536 hộ, 1.768 nhân khẩu) và thôn Gia Bùi (256 hộ, 807 nhân khẩu).
3	Thôn Tân Tiến	541	1.753	Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại thôn Tam Lương (206 hộ, 680 nhân khẩu) và thôn Đông Cạn (335 hộ, 1.073 nhân khẩu).
4	Thôn Tam Xuân	968	3.284	Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại thôn Lũy Dương (563 hộ, 1.991 nhân khẩu) và thôn Xuân Trinh (405 hộ, 1.293 nhân khẩu).
5	Thôn Mạnh Tân	882	2.882	Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại thôn Cộng Hòa (444 hộ, 1.457 nhân khẩu), thôn Thành Lập (257 hộ, 832 nhân khẩu) và thôn Đồng Tâm (181 hộ, 593 nhân khẩu).
6	Thôn Phương Điểm 3	852	3.115	Trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại thôn Phương Điểm 3 (506 hộ, 1.825 nhân khẩu) và thôn Phương Điểm 4 (346 hộ, 1.290 nhân khẩu).
7	Thôn Phương Điểm 1	416	1.427	Giữ ổn định, không thực hiện sắp xếp
8	Thôn Phương Điểm 2	1.003	3.576	Giữ ổn định, không thực hiện sắp xếp
9	Thôn Hội Xuyên 1	550	1.758	Giữ ổn định, không thực hiện sắp xếp
10	Thôn Hội Xuyên 2	982	3.402	Giữ ổn định, không thực hiện sắp xếp
11	Thôn Đức Đại 1	772	2.577	Giữ ổn định, không thực hiện sắp xếp
12	Thôn Đức Đại 2	483	1.605	Giữ ổn định, không thực hiện sắp xếp
13	Thôn Ngà	502	1.544	Giữ ổn định, không thực hiện sắp xếp
14	Thôn Chằm	499	1.573	Giữ ổn định, không thực hiện sắp xếp
15	Thôn An Tân	586	1.809	Giữ ổn định, không thực hiện sắp xếp

16	Thôn Phúc Tân	783	2.646	Giữ ổn định, không thực hiện sắp xếp
17	Thôn Lăng Xuyên	562	1.703	Giữ ổn định, không thực hiện sắp xếp
18	Thôn Bình Đê	867	2.697	Giữ ổn định, không thực hiện sắp xếp
19	Thôn Cao Dương	573	1.723	Giữ ổn định, không thực hiện sắp xếp
20	Thôn Quán Đào	933	3.012	Giữ ổn định, không thực hiện sắp xếp